

3. **Nguyễn Thị Thu Hương, Nguyễn Hoàng Minh, Nguyễn Thị Ngọc Đan,** Nghiên cứu thực nghiệm tác dụng bảo vệ gan của chế phẩm từ lá chùm ngây (*Moringa oleifera* Lam.) trên tổn thương gan mạn do ethanol, Tạp chí Y học Tp.HCM, 21(6), 2017, 125-131.
4. **Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ TP. HCM,** Báo cáo phân tích xu hướng công nghệ, Chuyên đề: Đông trùng hạ thảo-Công dụng, xu hướng sản xuất và thương mại, Sở Khoa học và Công nghệ TP. HCM, 2014.
5. **Byung-Tae P., Kwang-Heum N., Eui-Cha J., Jae-Wan P., Ha-Hyung K.,** Antifungal and Anticancer Activities of a Protein from the Mushroom *Cordyceps militaris*. Korean Journal of Physiol Pharmacology, vol. 13, 2009, 49 – 54.
6. **Fengyao W., Hui Y., Xiaoning M., Junqing J., Guozheng Zh., Xijie G. and Zhongzheng G.,** Structural characterization and antioxidant activity of purified polysaccharide from cultured *Cordyceps militaris*, African Journal of Microbiology Research, vol 5(18), 2011, 2743-2751.
7. **Jian Wang, Chen Chena, Zhihui Jiang, Meng Wang, Hai Jianga, and Xiaoying Zhang.,** Protective effect of *Cordyceps militaris* extract against bisphenol A induced reproductive damage, Systems Biology in Reproductive Medicine, vol. 62(4), 2016, 249–257.
8. **Kittigan Suwannasaroj, Passaraporn Srimangkornkaew, Pakamon Yottharat, Aunchalee Sirimontaporn.,** The Acute and Sub-Chronic Oral Toxicity Testing of *Cordyceps militaris* in Wistar Rats, Department of Medical Sciences. Vol. 63(3), 2021, 628-647.

## THỰC TRẠNG NHẠY CẢM NGÀ CỦA SINH VIÊN RĂNG HÀM MẶT TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

**Trịnh Đình Hải\*, Đinh Diệu Hồng\*, Vũ Lê Phương\*,  
Trần Thị Ngọc Anh\*, Trương Thị Mai Anh\*, Đỗ Thị Thu Hương\***

### TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm khảo sát thực trạng nhạy cảm ngà (NCN) của sinh viên Răng Hàm Mặt trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội. Nghiên cứu mô tả cắt ngang thực hiện trên 212 sinh viên Răng Hàm Mặt độ tuổi 18-28 dựa vào bảng câu hỏi và khám lâm sàng để ghi nhận tình trạng nhạy cảm ngà dựa trên hai loại kích thích là kích thích hơi và kích thích xúc giác sử dụng thám trâm điện tử Yeaple Probe. Kết quả: tỷ lệ nhạy cảm ngà ghi nhận là 15.6%; không có sự khác biệt giữa nam và nữ. Tỷ lệ nhạy cảm ngà có mối liên quan chặt chẽ với các yếu tố nguy cơ: mòn cổ răng, mòn răng, co lợi và sử dụng thực phẩm chứa nhiều axit.

**Từ khóa:** nhạy cảm ngà, kích thích hơi, Yeaple Probe, sinh viên Răng Hàm Mặt.

### SUMMARY

#### THE PREVALENCE OF DENTIN HYPERSENSITIVITY IN THE GROUP OF DENTAL STUDENTS FROM UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY, VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI

The study aimed to determine the prevalence of dentin hypersensitivity in the group of dental students from University of Medicine and Pharmacy, Vietnam National University. A total of 212 students were examined for the presence of dentin hypersensitivity

by means of a questionnaire and intraoral tests (using air stimuli and Yeaple Probe stimuli). There were 33 students (15.6%) claimed to have hypersensitivity teeth, with no differences between male and female. The presence of dentin hypersensitivity were positively correlated with a couple of factors: noncarious cervical lesions, tooth erosion, gingival recession and using acidic foods and drinks.

**Keywords:** dentin hypersensitivity, air stimuli, Yeaple Probe, dental students.

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhạy cảm ngà (NCN) được mô tả là một triệu chứng nhói buốt ngắn xuất hiện từ phần ngà bị lộ ra khi đáp ứng với các kích thích như nhiệt độ, cọ sát cơ học, luồng hơi hay kích thích hóa học mà không phải do bất kỳ bệnh lý răng nào khác [1]. Tỷ lệ mắc nhạy cảm ngà được báo cáo qua nhiều nghiên cứu khá dao động, từ 3-57% [2]. Nghiên cứu điều tra các cán bộ trong ngành hàng không tại Anh thông qua bảng câu hỏi đã ghi nhận 50% số người được hỏi có nhạy cảm ngà [3]. Trong khi đó, nghiên cứu của Rees xác định tỷ lệ nhạy cảm ngà ở Anh là 3,8% [4]. Ở Việt Nam, theo kết quả nghiên cứu của Tổng Minh Sơn thực hiện tại công ty bảo hiểm Việt Nam, tỷ lệ nhạy cảm ngà là 47,7%, tập trung ở lứa tuổi 22-58 [5]. Năm 2013, Trần Ngọc Phương Thảo đã tiến hành nghiên cứu tình trạng nhạy cảm ngà ở người trưởng thành tại thành phố Hồ Chí Minh cho tỉ lệ nhạy cảm ngà là 85,8% [6]. Tỷ lệ mắc nhạy cảm ngà có sự khác nhau giữa các nghiên cứu có thể do các nghiên cứu được thực hiện ở các cộng đồng khác nhau với sự khác biệt

\*Trường Đại học Y Dược- Đại học Quốc gia Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Đinh Diệu Hồng

Email: dieuhong201@gmail.com

Ngày nhận bài: 13.12.2021

Ngày phản biện khoa học: 26.01.2022

Ngày duyệt bài: 15.2.2022

về lối sống, trình độ nhận thức, thói quen ăn uống. %. Lứa tuổi thường mắc nhạy cảm ngà từ 20-50 tuổi, nhiều nhất ở 30-40 tuổi [7].

Hầu hết các nghiên cứu về tình trạng nhạy cảm ngà ở Việt Nam được thực hiện trên các đối tượng có tính đặc thù như sinh viên đại học, cán bộ công nhân, nhân viên của đơn vị, đối tượng tẩy trắng. Năm 2010, Nguyễn Thị Từ Uyên thực hiện khảo sát tình trạng nhạy cảm ngà trên 500 sinh viên Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh tuổi từ 18-28 dựa trên hai loại kích thích là sử dụng thám trâm và thổi hơi [8]. Năm 2013, Đoàn Hồ Điệp đã khảo sát tình trạng nhạy cảm ngà răng trên 100 đối tượng độ tuổi 18-28 có nhu cầu tẩy trắng tại nhà dựa trên hai loại kích thích: kích thích lạnh và kích thích luồng hơi [9]. Ở miền Bắc hiện ít có nghiên cứu khảo sát tình trạng nhạy cảm ngà trên nhóm đối tượng sinh viên đại học độ tuổi 18-28. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu:

*Xác định tỷ lệ nhạy cảm ngà trên sinh viên độ tuổi 18-28 tại trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội*

*Đánh giá mối liên hệ giữa tình trạng nhạy cảm ngà và một số yếu tố liên quan.*

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**2.1. Đối tượng nghiên cứu.** Sinh viên Răng Hàm Mặt trong độ tuổi 18-28 đang học tập tại Trường Đại học Y Dược – Đại học Quốc gia Hà Nội; không đang mắc các bệnh toàn thân cấp tính hoặc bệnh lý ác tính trong khoang miệng, tự nguyện tham gia nghiên cứu.

### **Tiêu chuẩn loại trừ**

+ Người đang có bệnh lý toàn thân cấp tính

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

### **3.1. Tỷ lệ nhạy cảm ngà theo giới**

**Bảng 1: Tỷ lệ nhạy cảm ngà theo giới**

Nam		Nữ		Tổng	
NCN	K-NCN	NCN	K-NCN	NCN	K-NCN
16 (15,1%)	90 (84,9%)	17 (16%)	89 (84%)	33 (15,6%)	179 (84,4%)

Theo bảng 1, trong 212 đối tượng, có 33 đối tượng có tình trạng nhạy cảm ngà, chiếm 15.6%. Trong đó đối tượng nam và nữ có ghi nhận nhạy cảm ngà tương tự nhau, tức là không có sự khác biệt về tỷ lệ nhạy cảm ngà ở nam và nữ.

Theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Từ Uyên 2010 khảo sát trên 500 sinh viên đại học ghi nhận tỷ lệ nhạy cảm ngà là 48% [8], hay nghiên cứu của Đoàn Hồ Điệp nghiên cứu trên 100 đối tượng độ tuổi 18-28 có nhu cầu tẩy trắng răng cho tỷ lệ nhạy cảm ngà là 47% và không có sự khác biệt giữa nam và nữ. Sở dĩ có sự chênh lệch

hoặc bệnh lý ác tính trong khoang miệng

Người sử dụng thuốc chống viêm, giảm đau, an thần trong vòng 72 giờ trước khi tham gia nghiên cứu. Người được điều trị phẫu thuật nha chu, chỉnh hình răng mặt, tẩy trắng răng trong vòng 6 tháng trước đó. Không đồng ý tham gia nghiên cứu và không có mặt trong khi điều tra.

### **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

- Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

- Cỡ mẫu:  $n = 205$  (với  $p = 0.86$  tỷ lệ nhạy cảm ngà theo Trần Ngọc Phương Thảo năm 2013 tỷ lệ này là 85.8% [6];  $d = 0.05$ ; lấy thêm 10% để tránh sai số).

- Dựa trên số sinh viên Răng Hàm Mặt đang học tập tại trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội, chúng tôi tiến hành khảo sát trên 212 đối tượng.

- Đối tượng được hỏi bằng bảng câu hỏi soạn sẵn nhằm ghi nhận một số thông tin về: tuổi, thói quen ăn uống và dinh dưỡng. Sau đó được khám lâm sàng trên tất cả các răng (trừ răng khôn, răng sâu) để ghi nhận các tổn thương mô răng (mòn cổ, co lợi, mòn răng) và mức độ nhạy cảm ngà bằng hai phương pháp: kích thích xúc giác (sử dụng thám trâm điện tử Yeaple Probe) và kích thích hơi (sử dụng đầu xịt hơi của ghế máy nha khoa với áp lực 45 psi). Đối tượng được ghi nhận có tình trạng nhạy cảm ngà khi có nhạy cảm ngà với một trong hai loại kích thích hoặc cả hai loại.

**2.3. Phương pháp xử lý số liệu.** Số liệu được đưa vào làm sạch bằng phần mềm Epi Data 3.2 và xử lý thống kê, phân tích bằng phần mềm Stata 16.

về tỷ lệ nhạy cảm ngà giữa sinh viên đại học Y Dược ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh có thể do một số lí do sau:

- Hai nghiên cứu sử dụng kích thích khác nhau  
- Cỡ mẫu tại trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh nhiều hơn, sinh viên đa dạng chuyên ngành hơn. Trong khi tại trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội, đối tượng là sinh viên Răng Hàm Mặt ít nhiều có hiểu biết về răng miệng nên có thể biết cách chải răng, cũng như sử dụng các loại kem đánh răng có tác dụng giảm ê buốt từ trước.

- Có thể do thói quen ăn uống giữa Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Người dân ở thành phố Hồ Chí Minh có thói quen ăn chua cay hơn so với Hà Nội.

Theo kết quả nghiên cứu của Tổng Minh Sơn

năm 2013 trên nhân viên công ty bảo hiểm, tỷ lệ nhạy cảm ngà là 47.7%, tập trung ở lứa tuổi 22-58 [5]. Điều này phù hợp với các nghiên cứu trước đây ghi nhận tỷ lệ nhạy cảm ngà cao nhất ở lứa tuổi 30-40.

**3.2. Tỷ lệ nhạy cảm ngà liên quan một số thói quen ăn uống và dinh dưỡng**

**Bảng 2: Tỷ lệ nhạy cảm ngà liên quan một số thói quen ăn uống và dinh dưỡng**

Thói quen		NCN	K-NCN	p
Sử dụng thực phẩm nhiều axit	Thường xuyên	10 (27%)	27 (73%)	0,034
	Không/Không thường xuyên	23 (13%)	152 (87%)	
Sữa / sản phẩm sữa	Thường xuyên	22 (19%)	94 (81%)	0,133
	Không/Không thường xuyên	11 (12%)	85 (88%)	
Bổ sung can-xi	Thường xuyên	5 (17%)	24 (83%)	0,789
	Không/Không thường xuyên	28 (15%)	155 (85%)	

Theo bảng 2, tỷ lệ nhạy cảm ngà ở đối tượng sử dụng thường xuyên thực phẩm chứa nhiều axit gấp khoảng 2 lần so với nhóm đối tượng không/ không sử dụng thường xuyên, khác biệt có ý nghĩa thống kê. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Tổng Minh Sơn và một số tác giả khác [1,2,5,6].

Trong khi đó, tỷ lệ nhạy cảm ngà trên đối tượng sử dụng sữa thường xuyên cao hơn không sử dụng/ không sử dụng thường xuyên sữa, khác biệt không có ý nghĩa thống kê. Và việc bổ sung can-xi thường xuyên không ảnh hưởng đến tỷ lệ nhạy cảm ngà.

**3.3. Tỷ lệ nhạy cảm ngà liên quan một số yếu tố nguy cơ**

**Bảng 3: Tỷ lệ nhạy cảm ngà liên quan một số tổn thương mô răng**

Tổn thương		NCN	K-NCN	p
Co lợi	Có	14 (35%)	26 (65%)	0,031
	Không	19 (11%)	153 (89%)	
Mòn cổ răng	Có	18 (62%)	11 (38%)	0,001
	Không	15 (8%)	168 (92%)	
Mòn răng	Có	10 (50%)	10 (50%)	0,035
	Không	23 (12%)	169 (88%)	

Co lợi, mòn cổ răng, mòn răng là ba yếu tố nguy cơ gây tình trạng nhạy cảm ngà. Trong đó mòn cổ răng là yếu tố nguy cơ cao nhất: cứ 3 răng mòn cổ thì có 2 răng nhạy cảm ngà trong khi với mòn răng tỷ lệ này là 2:1, cứ 3 răng co lợi có 1 răng nhạy cảm ngà, khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Ba yếu tố này làm bộc lộ vùng ngà răng với các ống ngà mở thông thương với môi trường miệng. Nhiều nghiên cứu cũng ghi nhận mối liên quan giữa ba yếu tố kể trên và tình trạng nhạy cảm ngà. Các tổn thương mòn cổ răng hay mòn răng là kết quả của quá trình tích lũy nhiều yếu tố phối hợp: mài mòn cho tiếp xúc, do thói quen vệ sinh răng miệng, do chế độ ăn nhiều axit.

**V. KẾT LUẬN**

Qua nghiên cứu tình trạng nhạy cảm ngà trên 212 đối tượng là sinh viên Răng Hàm Mặt độ tuổi 18-28 chúng tôi rút ra một số kết luận như sau:

Tỷ lệ nhạy cảm ngà ở sinh viên Răng Hàm Mặt độ tuổi 18-28 là 15.6%, không có sự khác biệt giữa nam và nữ.

Tỷ lệ nhạy cảm ngà liên quan chặt chẽ đến một số yếu tố nguy cơ bao gồm: mòn cổ răng, mòn răng, co lợi và sử dụng thực phẩm chứa nhiều axit.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Onchardson R, Gillam D.G. Managing dentin hypersensitivity. J Am Dent Assoc. 2006;37(7):990-998
2. Martinez - Ricarte.J, Faus - Matoses.V. Dentinal sensitivity: Concept and methodology for its objective evaluation. Med Oral Patol Oral Cir Bucal. 2008;13(3):E201-E206.
3. Clayton D.R, McCarthy D, Gillam D.G. A study of the prevalence and distribution of dentine sensitivity in a population of 17- 58 years old serving personnel on an RAF base in the Midlands. Journal of Oral
4. Rehabilitation. 2002; 29:14-23 [4] Rees. JS. The prevalence of dentine hypersensitivity in general dental practice in the UK. J Clin Periodontol. 2000;27:860-865.
5. Tổng Minh Sơn. Tình trạng nhạy cảm ngà răng của nhân viên công ty Bảo hiểm Nhân thọ tại Hà Nội. Tạp chí Nghiên cứu Y học. 2013;85(5):31-36.
6. Trần Ngọc Phương Thảo. Mô tả tình trạng, tỷ lệ nhạy cảm ngà và một số yếu tố nguy cơ ở thành phố Hồ Chí Minh. Published online 2013.
7. Martinez - Ricarte.J, Faus - Matoses.V. Dentinal sensitivity: Concept and methodology for its objective evaluation. Med Oral Patol Oral Cir Bucal. 2008;13(3):E201-E206.
8. Nguyễn Thị Tú Uyên. Tình trạng quá cảm ngà răng của sinh viên Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh. Published online 2010.
9. Đoàn Hồ Điệp, Ngô Đồng Khanh, Ngô Thị Quỳnh Lan. Hiệu quả giảm nhạy cảm ngà của kem đánh răng chứa Potassium nitrate 5% và sodium fluoride 0,221% trong tẩy trắng răng. Y học thành phố Hồ Chí Minh. 2013;17(2):131-135.